

GHI NHẬN BỔ SUNG VÙNG PHÂN BỐ CỦA LOÀI THẠCH SÙNG ĐUÔI ĐẸP *Hemidactylus garnotii* Duméril et Bibron, 1836 (Squamata: Sauria: Gekkonidae) Ở THANH HÓA

- Nguyễn Thị Như Trúc^(*), Phan Quỳnh Trâm^(*), Bùi Bình Thanh^(*),
Trần Thị Tâm^(*), Hồ Thị Trang^(*), Hoàng Thị Trinh^(*),
Phạm Thị Tâm^(*), TS. Hoàng Ngọc Thảo^(**)

Tóm tắt

Bài báo cung cấp dẫn liệu về đặc điểm hình thái và bổ sung vùng phân bố của loài Thạch sùng đuôi đẹp *Hemidactylus garnotii* Duméril et Bibron, 1836 cho khu hệ lưỡng cư, bò sát Thanh Hóa. Đây cũng là lần đầu tiên ghi nhận phân bố của loài này ở khu vực Bắc Trung Bộ. Loài Thạch sùng đuôi đẹp *Hemidactylus garnotii* đặc trưng bởi đuôi đẹp, có khía răng cưa nhỏ hai bên; vảy trên lưng nhỏ, đồng dạng; cặp tấm sau cầm thứ hai không tiếp xúc với các tấm mép dưới.

Từ khóa: *Gekkonidae*, *Hemidactylus garnotii*, Thạch sùng đuôi đẹp, vùng phân bố, Thanh Hóa.

1. Mở đầu

Giống *Hemidactylus* Oken, 1817 ở Việt Nam hiện có 7 loài: *Hemidactylus bowringii* (Gray, 1845), *H. frenatus* Schlegel, 1836, *H. garnotii* Duméril & Bibron, 1836, *H. karenorum* (Theobald, 1868), *H. platyurus* (Schneider, 1972), *H. stejnegeri* Ota & Hikida, 1989 và *H. vietnamensis* Darevsky & Kupriyanova, 1984 [1], [3], [6]. Trong đó loài *H. frenatus* phân bố rộng, có ở khắp các vùng trong cả nước, các loài còn lại có phân bố hẹp. Loài Thạch sùng đuôi đẹp *Hemidactylus garnotii* Duméril et Bibron, 1836 hiện được biết phân bố ở nhiều vùng khác nhau trên thế giới. Ở Việt Nam, các ghi nhận trước đây của loài này chủ yếu ở phía Nam. Ở phía Bắc cho đến nay, chúng mới được phát hiện tại Vườn Quốc gia Ba Bể (Bắc Cạn), riêng khu vực Bắc Trung Bộ chưa ghi nhận phân bố loài này.

Dựa trên mẫu vật thu được năm 2010 ở huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa, chúng tôi đã phân tích và mô tả đặc điểm hình thái phân loại, đồng thời bổ sung vùng phân bố của loài cho khu hệ bò sát Thanh Hóa cũng như cho khu địa lý động vật Bắc Trung Bộ.

2. Nguyên liệu và phương pháp nghiên cứu

Phân tích 2 mẫu thu ở huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa do Dương Thị Huyền thu tháng 3 năm

2010. Mẫu được thu thập bằng tay, cố định trong dung dịch phóc-môn 4% sau đó chuyển sang ngâm cồn 70%, được lưu giữ tại Bộ môn Động vật, Khoa Sinh học, Trường Đại học Vinh, Nghệ An.

Chỉ tiêu về kích cỡ được đo bằng thước kẹp với sai số nhỏ nhất đến 0,1 mm. Kí hiệu các chỉ tiêu hình thái: SVL: Dài mõm huyết; TailL: Dài đuôi; TailW: Rộng đuôi; HL: Dài đầu; HW: Rộng đầu; HH: Cao đầu; Orbl: Dài ổ mắt; EarL: Dài màng nhĩ; TrunkL: Dài nách - bẹn; CrusL: Dài đùi; ShinL: Dài ống chân; ForeaL: Dài ống tay; InterNar: Khoảng cách giữa 2 lỗ mũi; InterOrb: Khoảng cách giữa 2 mắt; IO: Vảy gian ổ mắt; SB: Hàng vảy ngang giữa bụng ở giữa thân; SL: Tấm mép trên; IL: Tấm mép dưới; PM: Cặp tấm sau cầm; SC: Tấm dưới đuôi; INS: Tấm gian mũi; InfS: Tấm trên mũi; PS: Tấm sau mũi; FIS: Số bản mỏng dưới ngón I chi trước; FIIS: Số bản mỏng dưới ngón III chi trước; FIVS: Số bản mỏng dưới ngón IV chi trước; TIS: Số bản mỏng dưới ngón I chi sau; TIIS: Số bản mỏng dưới ngón III chi sau; TIVS: Số bản mỏng dưới ngón IV chi sau.

Định tên khoa học của loài theo Smith (1935) [4]. Tên khoa học và tên phổ thông theo Nguyen *et al.* (2009) [3].

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Vị trí phân loại của Thạch sùng đuôi đẹp

Tên khoa học: *Hemidactylus garnotii* Duméril et Bibron, 1836.

Tên đồng vật: *Doryura vulpecula* Girard, 1857; *Hemidactylus ludekingu* Bleeker, 1859; *Doryura*

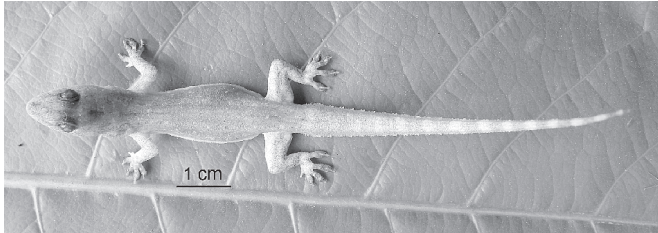
(*) Sinh viên K54 Sư phạm Sinh, Khoa Sinh học, Trường Đại học Vinh.

(**) Khoa Sinh học, Trường Đại học Vinh.

gaudama Theobald, 1868; *Hemidactylus (Dyura) mandellianus* Stoliczka, 1871; *Hemidactylus mortoni* Theobald, 1868; *Hemidactylus blanfordi* Boulenger, 1885 [3], [4].

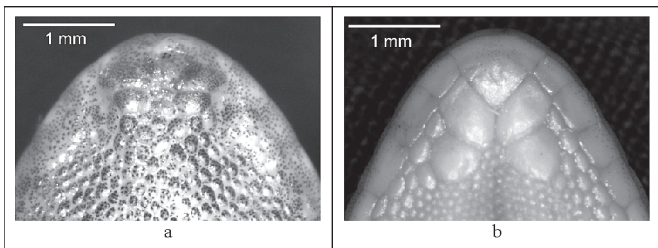
3.2. Đặc điểm hình thái của Thạch sùng đuôi đẹp

Kết quả phân tích cho thấy đặc điểm hình thái của mẫu thần lần thu ở Thanh Hóa trùng khớp với mô tả của loài trong các tài liệu của Smith (1935) [4], Bourret (1943) [2], Taylor (1963) [5].



Hình 1. Thạch sùng đuôi đẹp *Hemidactylus garnotii*

Đầu hơi rộng, mõm tù ở phía trước, dài hơn khoảng cách giữa mắt và màng nhĩ. Màng nhĩ với các vảy nhỏ, hình bầu dục, đường kính màng nhĩ bằng khoảng 1/2 lần đường kính mắt. Tấm mõm dạng hình chữ nhật, rộng bằng 2 lần dài, có rãnh hình chữ Y ở phía trên; lỗ mũi ở hai bên, nằm giữa tấm mõm, tấm trên mũi, 2 tấm sau mũi và một phần nhỏ tấm môi trên thứ nhất; tấm trên mũi rộng, phân cách nhau bằng 1 - 2 vảy gian mũi (Hình 2a).

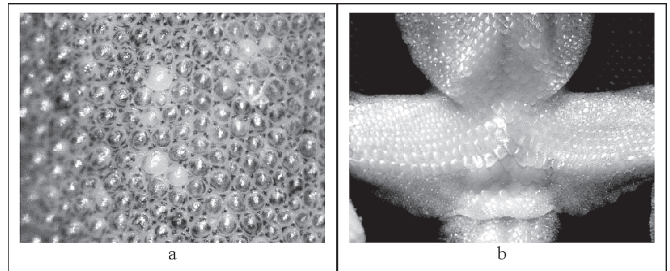


Hình 2. Vảy mặt trên (a) và mặt dưới đầu (b) của Thạch sùng đuôi đẹp

Có 11 tấm môi trên và 9 - 10 tấm môi dưới ở mỗi bên; tấm cằm hình tam giác, hơi dài hơn rộng; có 2 cặp tấm sau cằm, cặp thứ nhất lớn hơn, tiếp xúc nhau và tiếp xúc với tấm cằm, tấm môi dưới thứ nhất và một phần tấm môi dưới thứ hai; cặp tấm sau cằm thứ hai cách nhau bởi các vảy hòng, không tiếp xúc với các tấm môi dưới (Hình 2b).

Mặt trên đầu, thân và các chi phủ vảy hạt nhỏ đồng dạng, xếp cạnh nhau (Hình 3a), trên thân

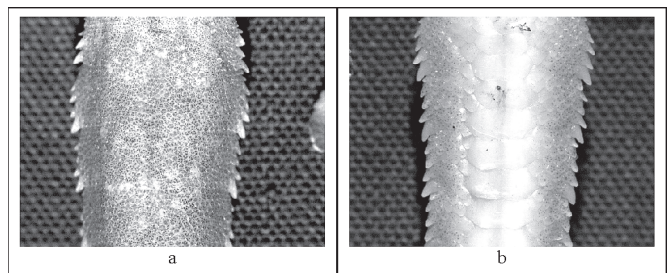
thỉnh thoảng xen lẫn các vảy lớn hơn; vảy vùng mõm lớn hơn vảy ở vùng cằm và vảy trên thân; vảy vùng cằm và hòng nhỏ; vảy bụng nhẵn, lớn hơn vảy trên lưng, phủ lên nhau hình ngôi lợp; có từ 39 - 40 hàng vảy ngang bụng ở giữa thân. Vảy vùng hậu môn và dưới đuôi nhẵn, các mẫu thu được không có lỗ hậu môn, lỗ đuôi và vảy mở rộng trên đuôi (Hình 3b).



Hình 3. Vảy trên thân (a) và vảy vùng đuôi, hậu môn (b) của Thạch sùng đuôi đẹp

Các ngón tay và ngón chân tự do, dài trung bình, mặt dưới phủ các bản mỏng xiên, bản mỏng ở phần gốc ngón nguyên, các bản mỏng tiếp theo chia, bản mỏng ngoài cùng ở mút ngón nguyên. Có 6 bản mỏng dưới ngón I, 9 - 10 bản mỏng dưới ngón III, 10 - 12 bản mỏng dưới ngón IV chi trước; 6 bản mỏng dưới ngón I, 10 - 12 bản mỏng dưới ngón III và 12 - 14 bản mỏng dưới ngón IV chi sau.

Đuôi đẹp, hai bên có khía răng cưa nhỏ; mặt trên đuôi phủ vảy hạt nhỏ (Hình 4a), mặt dưới có các bản mỏng ngang tạo thành các tấm dưới đuôi (Hình 4b), có từ 70 - 74 tấm dưới đuôi. Có nếp da mảnh hai bên thân.



Hình 4. Vảy mặt trên (a) và mặt dưới đuôi (b) của Thạch sùng đuôi đẹp

So với mô tả của Smith (1935) [4], Bourret (1943) [2], Taylor (1963) [5] mẫu ở khu vực nghiên cứu hầu như không có sai khác ngoài số bản mỏng dưới ngón IV chi sau nhiều hơn (12 - 14; mô tả của các tác giả khác: 11 - 13).

Bảng 1. Chỉ tiêu hình thái các mẫu Thạch sùng đuôi dẹp

Số đo	CT01	CT02	Số đếm	CT01	CT02
SVL	51.05	53.76	IO	29	34
TailL	64.83	64.20	SB	40	39
TailW	6.20	7.38	SL	11/11	11/11
HL	15.31	17.51	IL	10/9	10/9
HW	8.95	9.95	SC	70	74
HH	5.94	6.07	INS	1+2	1+2
OrbL	3.67	3.58	InFS	1	1
EarL	0.71	0.83	PS	2	2
TrunkL	23.33	23.43	FIS	6/6	6/6
CrusL	7.90	7.88	FIHS	9/9	10/9
ShinL	7.20	7.76	FIVS	10/10	12/11
ForeaL	5.64	6.24	TIS	6/6	6//6
InterNar	1.22	1.63	TIHS	11/10	11/12
InterOrb	1.78	1.78	TIVS	12/13	13/14

Ghi chú: Kí hiệu các chỉ tiêu hình thái về số đo và số đếm xem phần phương pháp.

3.3. Phân bố của Thạch sùng đuôi dẹp

Ở Việt Nam, loài Thạch sùng đuôi dẹp *Hemidactylus garnotii* có phân bố ở Vườn quốc gia Ba Bể của tỉnh Bắc Kạn, Đắc Lắc (Buôn Ma Thuột, Đắc Phơi), Khánh Hòa (Nha Trang), Bình Phước (Nghĩa Trung), Ninh Thuận (Nhà Hồ),

Đồng Nai (Cát Tiên), Tây Ninh (núi Bà Đen), Bà Rịa-Vũng Tàu (Côn Đảo), Kiên Giang (U Minh Thượng, Hà Tiên, Phú Quốc), Cần Thơ, Cà Mau [1], [3].

Trên thế giới, loài này có phân bố ở Ấn Độ, Nepal, Bhutan, nam Trung Quốc, Đài Loan, Myanma, Lào, nam Thái Lan, Philippine, Indonesia, New Caledonia, Polynesia, Samoa [3].

Như vậy đây là lần đầu tiên ghi nhận phân bố của loài này ở Thanh Hóa cũng như khu vực Bắc Trung Bộ.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã ghi nhận bổ sung vùng phân bố của loài Thạch Sùng đuôi dẹp cho khu hệ lưỡng cư bò sát Thanh Hóa cũng như cho khu vực Bắc Trung Bộ.

Các mẫu của loài ở khu vực nghiên cứu không có sự sai khác hình thái so với các mô tả trước đó của loài theo Smith (1935), Bourret (1943) và Taylor (1963)./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bobrov, V. V. (1995), "Checklist and bibliography of the lizards of Vietnam", *Smithsonian Herpetological Information Service*, Washington, (105), p. 1-28.
- [2]. Bourret, R. (1943), *Sauria* (bản thảo), p. 22-23.
- [3]. Nguyen, V. S., Ho, T. C. & Nguyen, Q. T. (2009), *Herpetofauna of Vietnam*, Edition Chimaira, Frankfurt am Main, p. 230-234.
- [4]. Smith, M. A. (1935), *The fauna of British India, including Ceylon and Burma. Reptilia and Amphibia, Vol. 2-Sauria*, Taylor and Francis, London, p. 83-85, 100-101.
- [5]. Taylor, E.H. (1963), *The lizards of Thailand*, The University of Kansas, Science bulletin, XLIV (14), p. 761-764.
- [6]. Zhao, E.-M. & K. Adler (1993), *Herpetology of China*, Soc. Study Amphib. Rept., Oxford (Ohio), p. 184.

NEW RECORD OF GARNOT'S HOUSE GECKO *Hemidactylus garnotii* Duméril et Bibron, 1836 (Squamata: Sauria: Gekkonidae) IN THANH HOA PROVINCE

Summary

The paper introduces physical features and additional distributions of Garnot's house gecko *Hemidactylus garnoti* Duméril et Bilbron, 1836 in multiple crawling species in Thanh Hoa Province. This is the first distribution record of this species in the Northern Central area. Garnot's house gecko *Hemidactylus garnoti* is characterized by flat tails with small saws in both sides; it has small, homogeneous scales on back; and its 2nd rear-jaw sheet pair does not touch those lower sheets.

Key words: Gekkonidae, *Hemidactylus garnotii*, Garnot's house gecko, distribution area, Thanh Hoa province.

Ngày nhận bài: 04/9/2015; Ngày nhận lại: 09/10/2015; Ngày duyệt đăng: 21/10/2015.